

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **33/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 01/9/2022

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Ngô Phiên;

2/ Ông Trần Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội- Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX- ST ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh L- Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/3/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Nông Thị N) trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn N cưới nhau có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 10/02/2009. Sau khi cưới chị về nhà anh làm dâu ngay, ở chung với gia đình. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N có quan hệ ngoại tình và đánh đập chị. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhưng không được. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã

chuyển ra khỏi nhà anh N từ đầu năm 2018, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh N nữa. Vì vậy, chị đã làm đơn xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Hoàng A T, sinh ngày 25/10/2011, hiện nay các cháu đều đang ở với bố và phát triển bình thường. Ly hôn chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi 02 con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Hoàng Văn N): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại Tòa án và cũng không gửi ý kiến, văn bản gì đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh N vẫn vắng mặt, bà Vũ Thị L là mẹ đẻ của anh N nhận thay các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh N. Địa phương cung cấp: Chị N và anh N kết hôn có đăng ký tại UBND xã H. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh N sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó anh N đi làm ăn xa, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2018 chị N bỏ nhà chồng về nhà đẻ ở Lạng Sơn sinh sống, từ đó đến nay địa phương không thấy chị N về chung sống cùng anh N nữa. Vợ chồng anh N, chị N có 02 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Hoàng A T, sinh ngày 25/10/2011, hiện nay cả 02 cháu đều đang ở cùng anh N, chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Giao anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Hoàng A, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Hoàng A T, sinh ngày 25/10/2011. Chị Nông Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Nông Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Hoàn trả chị Nông Thị N số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 của chị Nông Thị N đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nông Thị N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với anh Hoàng Văn N (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh địa phương gia đình cung cấp, hiện anh N đi làm ăn bên ngoài địa phương, ít có mặt ở nhà. Vì vậy, xác định anh N đã cố tình giấu địa chỉ, lẩn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho chị N và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn giữa chị N và anh N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị N và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị N thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị N, anh N từ khi kết hôn có một thời gian chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Xuất phát từ việc anh N đi làm ăn xa, chị N cho rằng anh N có quan hệ ngoại tình và về nhà đánh đập chị N, đến năm 2018 chị N đã chuyển ra khỏi nhà anh N về nhà bố mẹ đẻ tại Lạng Sơn sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị N có đơn xin ly hôn, anh N đã được Tòa án thông báo và triệu tập đến Tòa án để làm việc hợp lệ nên xác định anh N biết rõ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị N và anh N nhưng anh N không đến làm việc theo giấy triệu tập. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh N đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị N

được ly hôn anh N là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị N cần được chấp nhận.

[2].3. *Về việc con chung*: Chị N và địa phương xác định vợ chồng chị N, anh N có 02 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Hoàng A T, sinh ngày 25/10/2011, hiện nay cả 02 cháu đều đang ở cùng anh N và phát triển bình thường. Ly hôn chị N đồng ý để anh N tiếp tục nuôi 02 con chung của vợ chồng, xét là tự nguyện và để tránh việc sinh sống và học tập của các cháu có sự xáo trộn, nên cần giao cho anh N tiếp tục nuôi 02 con chung của vợ chồng chị N và anh N là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, anh N không có văn bản, ý kiến gì gửi cho Tòa án, vì vậy chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N cho đến khi đương sự có yêu cầu.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Giao anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Hoàng A, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Hoàng A T, sinh ngày 25/10/2011. Chị Nông Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Nông Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Hoàn trả chị Nông Thị N số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- UBND xã H.
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn